

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số *162* QĐ-BNV

Hà Nội, ngày *24* tháng *02* năm *2011*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Đông y Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L.004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Đông y Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Đông y Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (nhiệm kỳ 2010 - 2015) của Hội thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2010 tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Đông y Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Y tế;
- Bộ Công an;
- Lưu VT, TCPCP-G.

KT. BỘ TRƯỞNG

TRƯỞNG



Nguyễn Tiên Đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI ĐÔNG Y VIỆT NAM
(Phê duyệt theo Quyết định số: 162/QĐ-BNV
ngày 11 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

LỜI NÓI ĐẦU

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, nền đông y Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sắc lệnh số 52 ngày 22 tháng 4 năm 1946 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà “quy định việc lập hội” ra đời. Ngày 22 tháng 8 năm 1946 tại Nghị định số 337NV/DC của Bộ Nội vụ cho phép thành lập Hội Nghiên cứu nam dược, sau đổi tên là Hội Đông y cứu quốc. Sau kháng chiến chống thực Pháp thành công, ngày 03 tháng 6 năm 1957 Bộ Nội vụ ban hành Nghị định 399-NV-DC-NĐ cho phép thành lập Hội Đông y Việt Nam. Từ đó đến nay Hội đã phát triển không ngừng về chuyên môn nghiệp vụ và tổ chức.

Đông y Việt Nam là di sản của nền văn hoá Việt Nam, Hội Đông y Việt Nam có tính chất đặc thù, có nhiệm vụ thừa kế, phát huy, phát triển nền đông y Việt Nam xứng đáng với vai trò lịch sử đất nước.

Chương I

TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên, biểu tượng, trụ sở của Hội

1. Tên hội: Hội Đông y Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam orientally traditional medicine association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VOTMA.
4. Biểu tượng (logo) của Hội Đông y Việt Nam theo quy định của pháp luật.
5. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Tôn chỉ

Hội Đông y Việt Nam là tổ chức xã hội nghề nghiệp của công dân Việt Nam hành nghề đông y, đông dược, hoạt động trong lĩnh vực khám chữa bệnh bằng đông y, thừa kế, phát huy, phát triển, bảo tồn di sản văn hoá dân tộc thuộc lĩnh vực đông y và có vai trò nòng cốt trong phát triển nền đông y Việt Nam.

Điều 3. Mục đích của Hội

Hội tập hợp, đoàn kết những người Việt Nam hành nghề đông y, đông dược trong nước và công dân Việt Nam ở nước ngoài, tự nguyện đem hết khả năng, kiến

thức và kinh nghiệm chuyên môn của mình công hiến cho sự nghiệp chăm sóc bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Hội phối hợp với ngành y tế để thừa kế, phát huy, phát triển nền đông y Việt Nam. Kết hợp đông y với tây y, từng bước hiện đại hoá nền đông y, đông dược Việt Nam; Xây dựng nền đông y Việt Nam thành một ngành khoa học mang bản sắc văn hoá của các dân tộc Việt Nam, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng nền y học Việt Nam khoa học, dân tộc, đại chúng, thiết thực phục vụ sức khoẻ nhân dân trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thực hiện thành công mục tiêu của Đảng xây dựng đất nước: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh.

Điều 4. Nguyên tắc, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý của Hội

1. Hội Đông y Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, hiệp thương.

2. Hội Đông y Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Y tế và các bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực Hội hoạt động. Hội có con dấu riêng, có tài khoản tại ngân hàng, kho bạc nhà nước.

3. Hội có cơ quan ngôn luận để tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về đông y, đông dược để truyền bá học thuật cho hội viên và nhân dân. Giới thiệu những kinh nghiệm phòng bệnh chữa bệnh bằng đông y, đông dược cho nhân dân để từng bước xã hội hoá đông y tại công đồng.

4. Hội Đông y Việt Nam lấy ngày 22 tháng 8 hàng năm là ngày truyền thống của Hội.

5. Hội Đông y Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 5. Nhiệm vụ của Hội

1. Vận động, tập hợp, giáo dục y đức, y thuật cho những người hành nghề đông y, đông dược. Động viên mọi người đoàn kết mang hết tài năng, trí tuệ, kinh nghiệm vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

2. Xây dựng tổ chức hội trên các mặt: Truyền bá y thuật của nền đông y Việt Nam. Dịch thuật, biên soạn tài liệu, sách báo đông y, đông dược xuất bản để hướng dẫn lý luận và kinh nghiệm cho cán bộ, hội viên.

3. Tổ chức khám chữa bệnh bằng đông y và các bài thuốc gia truyền để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của nhân dân theo quy định của pháp luật; từng bước xã hội hoá nền đông y, đông dược trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

4. Tổ chức, tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ lương y, lương dược theo quy định của pháp luật; phối hợp cùng ngành y tế đào tạo đội ngũ thầy thuốc đông y Việt Nam ngày càng đông đảo về số lượng, đảm bảo chất lượng chuyên môn đáp ứng việc khám chữa bệnh bằng đông y tại cộng đồng.

5. Vận động, khuyến khích người có bài thuốc gia truyền chữa bệnh có hiệu quả, truyền lại cho con cháu và cống hiến cho Nhà nước hoặc cho Hội để bảo tồn và phát huy mặt tích cực của các bài thuốc đó, tránh thất truyền.

6. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho hội viên để nâng cao trình độ nhằm phục vụ tốt sức khỏe của nhân dân.

7. Tham gia xây dựng chính sách pháp luật, tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong việc xây dựng chế độ chính sách, pháp luật nhằm bảo tồn phát triển nền đông y, đông dược Việt Nam theo quy định của pháp luật.

8. Mở rộng phát triển mối quan hệ hợp tác quốc tế của Hội về đông y, đông dược theo qui định của pháp luật.

9. Xác định khả năng chuyên môn của người hành nghề đông y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền theo quy định của pháp luật để cơ quan chức năng cấp phép hành nghề theo qui định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tạo điều kiện cho hội viên hành nghề, truyền nghề đông y, đông dược theo Điều lệ của Hội và pháp luật hiện hành của Nhà nước. Chống lợi dụng danh nghĩa đông y để hành nghề mê tín dị đoan hoặc làm những việc trái với nghề nghiệp đông y.

2. Bảo vệ quyền lợi chính đáng hợp pháp của hội viên.

3. Tổ chức hướng dẫn hoạt động đông y, đông dược của hội viên trong phạm vi cả nước.

4. Bồi dưỡng, cấp chứng chỉ chuyên môn có trình độ chuyên sâu theo chương trình của Trung ương Hội Đông y Việt Nam thống nhất trong cả nước cho hội viên theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bằng các phương pháp của đông y (dùng thuốc và không dùng thuốc) phục vụ sức khỏe nhân dân tại cộng đồng theo quy định của pháp luật.

6. Sưu tầm, thừa kế ứng dụng các môn thuốc hay, các bài thuốc quý, các bài thuốc gia truyền chữa bệnh có hiệu quả, tổ chức nuôi trồng, thu hái và bảo chế thuốc để sử dụng, có kế hoạch bảo tồn nguồn dược liệu trong nước.

7. Tổng kết kinh nghiệm chuyên môn, nghiên cứu khoa học, kết hợp đông y với tây y để chữa bệnh cho nhân dân.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 7. Tiêu chuẩn và hình thức hội viên

1. Tiêu chuẩn:

Hội viên Hội Đông y Việt Nam: bao gồm các tổ chức Việt Nam, công dân Việt Nam là Lương y, Lương dược, người làm thuốc gia truyền, thuốc dân tộc;

Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ, Y sĩ, Dược sĩ, Kỹ thuật viên, Điều dưỡng viên có liên quan đến đông y; những người đi sâu nghiên cứu đông y, đông dược, có đạo đức nghề nghiệp; tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội thì được kết nạp vào Hội.

2. Hình thức:

a) Hội viên chính thức: Là công dân, tổ chức Việt Nam ở trong nước và ngoài nước hoạt động trong lĩnh vực đông y, đông dược có đủ điều kiện nghề nghiệp được kết nạp vào Hội;

b) Hội viên liên kết: Là công dân, tổ chức Việt Nam muốn hợp tác, giúp đỡ góp phần phát triển nền đông y, đông dược Việt Nam, được Ban Thường vụ Trung ương Hội Đông y Việt Nam công nhận. Việc đóng hội phí của hội viên liên kết theo qui định chung của hội, việc tài trợ là do tự nguyện;

c) Hội viên danh dự: Là công dân, tổ chức Việt Nam có uy tín, tâm huyết đóng góp vào sự nghiệp phát triển nền đông y, đông dược Việt Nam, được Ban Chấp hành Trung ương Hội Đông y Việt Nam chấp nhận. Việc đóng hội phí của hội viên là do tự nguyện.

3. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được tham gia các hoạt động của Hội nhưng không tham gia ứng cử, đề cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Trung ương Hội và không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 8. Thẻ hội viên

Ban Chấp hành Trung ương Hội qui định việc cấp phát, quản lý và thu hồi thẻ hội viên.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Thực hiện quyền dân chủ, bình đẳng khi thảo luận các công tác của hội, được ứng cử và đề cử vào Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra và các chức vụ khác của Hội.

2. Được Hội bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp trước pháp luật và công luận về chuyên môn đông y, về bản quyền tác giả, tác phẩm, bài thuốc kinh nghiệm, bài thuốc gia truyền, và các phát minh sáng kiến có giá trị khoa học và kinh tế.

3. Thảo luận, biểu quyết công việc tại các kỳ họp của Hội, được học tập, tham quan, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về đông y, đông dược.

4. Được hưởng mọi quyền lợi về thi đua khen thưởng theo pháp luật và qui chế thi đua khen thưởng của Hội.

5. Được tham gia hội nghị của Hội để đóng góp ý kiến và đề nghị của mình lên Ban Chấp hành Trung ương Hội.

6. Được quyền xin ra Hội khi không tán thành Điều lệ Hội hoặc không có điều kiện để tiếp tục tham gia sinh hoạt hội.

Điều 10. Nhiệm vụ của hội viên

1. Sinh hoạt theo qui định trong một tổ chức của Hội.

2. Chấp hành Điều lệ Hội và những nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Trung ương Hội.

3. Tham gia đầy đủ các sinh hoạt của Hội.

4. Tuyên truyền phát triển hội viên mới, đoàn kết hợp tác với các hội viên khác để cùng nhau thực hiện mục đích vì sự phát triển của Hội, góp phần xây dựng Hội ngày càng vững mạnh.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo qui định của Hội.

Điều 11. Xoá tên hội viên

Hội viên sẽ bị xoá tên và thu hồi thẻ hội viên khi vi phạm pháp luật của Nhà nước.

Chương IV TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Tổ chức của Hội

1. Hội Đông y được tổ chức:

a) Ở Trung ương: Hội Đông y Việt Nam;

b) Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gọi chung là Hội Đông y tỉnh;

c) Ở quận, huyện, thị xã sau đây gọi chung là: Hội Đông y huyện;

d) Ở xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là: Hội Đông y xã.

Việc thành lập và phê duyệt Điều lệ của Hội Đông y tỉnh, huyện, xã theo quy định của pháp luật, nếu tự nguyện có thể trở thành hội thành viên của Hội Đông y Việt Nam.

2. Cơ cấu tổ chức Hội, gồm:

a) Đại hội đại biểu;

b) Ban Chấp hành;

c) Ban Thường vụ;

d) Ban Kiểm tra;

đ) Văn phòng Hội và các ban chuyên môn;

e) Trung tâm thừa kế ứng dụng; Phòng chẩn trị và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội Đông y Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật;

g) Chi hội: Ở bệnh viện, bệnh xá, trường học, viện nghiên cứu, nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp ở Trung ương có hoạt động chuyên môn đông y, đông dược có ít nhất 03 hội viên trở lên được thành lập chi hội trực thuộc Trung ương Hội.

Điều 13. Đại hội đại biểu toàn quốc

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Đông y Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc (sau đây gọi chung là Đại hội), được tổ chức 5 năm một lần do Ban Chấp hành Trung ương Hội triệu tập. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Hội yêu cầu

hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị. Thành phần, số lượng đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định.

2. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới;

b) Thảo luận và biểu quyết Điều lệ, hoặc đổi tên Hội, sửa đổi, bổ sung Điều lệ và quyết định việc chia, tách, sát nhập, hợp nhất, giải thể Hội;

c) Thảo luận, góp ý kiến báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội và báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Trung ương Hội;

đ) Thông qua nghị quyết Đại hội.

3. Nguyên tắc biểu quyết của Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Trung ương Hội

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội do Đại hội toàn quốc quyết định. Trường hợp khuyết ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, thì Ban Chấp hành Trung ương Hội có thể bầu bổ sung không quá 10% so với tổng số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội qui định.

2. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp thường kỳ mỗi năm một lần, khi cần có thể họp bất thường.

3. Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Quyết định các biện pháp thực hiện nghị quyết, chương trình hoạt động trong nhiệm kỳ của Đại hội;

b) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm;

c) Bầu và bãi miễn các chức danh lãnh đạo của Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội; bầu bổ sung, bãi miễn ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội và quyết định công nhận hội viên danh dự;

d) Xem xét, quyết định khen thưởng và kỷ luật ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội;

đ) Chuẩn bị nội dung, chương trình, nhân sự phục vụ Đại hội;

e) Quyết định triệu tập Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường.

4. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

5. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội chỉ được tiến hành khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành có mặt tại Hội nghị. Việc

bầu, bãi miễn và kỷ luật các chức danh lãnh đạo của Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Hội có mặt tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ Trung ương Hội

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu. Số uỷ viên Ban Thường vụ không quá 1/3 (một phần ba) số uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Hội.

2. Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các uỷ viên. Ban Thường vụ họp thường kỳ 6 tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường.

3. Ban Thường vụ có nhiệm vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Hội chỉ đạo, điều hành các công việc của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành;

4. Ban Thường vụ có quyền hạn:

a) Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc Hội theo qui định của pháp luật và công nhận hội viên liên kết;

b) Thành lập Hội đồng khoa học của Hội khi cần;

c) Tổ chức các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế theo qui định của pháp luật;

d) Quyết định các chương trình hoạt động, kế hoạch công tác của các ban và các tổ chức trực thuộc Trung ương Hội;

đ) Quyết định gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực theo qui định của pháp luật;

e) Cử cán bộ đi dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước, quốc tế và đi công tác nước ngoài theo qui định của pháp luật;

g) Quyết định các vấn đề thi đua khen thưởng và kỷ luật thuộc quyền hạn của Hội.

5. Thường trực Hội gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số uỷ viên trong Ban Thường vụ, được Ban Thường vụ giao nhiệm vụ thường trực để giải quyết công việc hàng ngày và đột xuất.

Điều 16. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký

1. Chủ tịch là người đứng đầu tổ chức Hội, do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu, chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, quyết định các mặt công tác của Hội.

2. Các Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu, giúp Chủ tịch một số công việc được phân công.

3. Tổng Thư ký do Ban Chấp hành Trung ương bầu, có nhiệm vụ tổng hợp công tác Hội cả nước, định kỳ báo cáo Chủ tịch Hội.

Điều 17. Ban Kiểm tra Trung ương Hội.

1. Ban Kiểm tra Trung ương Hội do Đại hội bầu, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các uỷ viên. Số lượng uỷ viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định.

2. Ban Kiểm tra Trung ương Hội có nhiệm vụ giám sát các hội viên và các tổ chức thành viên của Hội trong việc chấp hành Điều lệ Hội; việc thực hiện các chủ trương của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Trung ương Hội; kiểm tra việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Hội và xem xét giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội.

3. Báo cáo kết quả kiểm tra trong hội nghị hàng năm và trong Đại hội đại biểu.

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra Trung ương Hội theo nhiệm kỳ của Đại hội.

Điều 18. Văn phòng Trung ương Hội, các ban và các tổ chức trực thuộc Trung ương Hội

1. Văn phòng Trung ương Hội có nhiệm vụ giúp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội tổ chức các hoạt động của Hội và làm đầu mối điều hoà với các ban trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Các ban của Hội: Ban Chuyên môn; Ban Tổ chức hành chính; Ban Kinh tế; Ban Đối ngoại và quan hệ quốc tế. Các ban có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Trung ương Hội về các mặt hoạt động trong lĩnh vực được phân công.

3. Các tổ chức trực thuộc Hội thành lập theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

Chương V

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 19. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm: Tài sản do Nhà nước hỗ trợ, tài sản tự có của Hội, tài sản thuê dài hạn. Toàn bộ tài sản phải được thể hiện đầy đủ trong sổ sách kế toán của Hội.

2. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản đúng mục đích và hiệu quả.

3. Nếu tài sản bị hư hỏng, không thể sửa chữa để tiếp tục sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục thanh lý trình Chủ tịch Hội quyết định.

Điều 20. Tài chính của Hội

1. Nguồn thu tài chính của Hội gồm:

a) Kinh phí do ngân sách nhà nước tài trợ hàng năm;

b) Hội phí của hội viên (Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định hàng năm);

c) Thu từ hoạt động xây dựng quỹ hội theo quy định của pháp luật;

d) Ủng hộ của hội viên, các ngành, các cấp, các nhà hảo tâm, các tổ chức phi chính phủ phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Thu từ các chương trình, công trình khoa học, bồi dưỡng chuyên môn nâng cao tay nghề đồng ý;

e) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Kinh phí thu được từ các nguồn trên không được chia cho hội viên.

2. Nguồn chi của Hội gồm:

a) Chi cho các hoạt động của Hội;

b) Chi trả lương cho cán bộ, nhân viên chuyên trách;

- c) Chi về nhà cửa, điện nước, mua sắm phương tiện làm việc;
- d) Chi nghiên cứu khoa học, đầu tư phát triển Hội;
- d) Chi khen thưởng và các khoản chi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quản lý tài chính, kế toán

1. Tài chính, kế toán của Hội được quản lý theo Quy chế tài chính, kế toán của Hội, phù hợp luật pháp tài chính, kế toán của Nhà nước.
2. Báo cáo về tài chính hàng năm của Hội phải được kiểm toán và báo cáo trong hội nghị Ban Chấp hành, trong Đại hội của Hội và công khai theo quy chế của Hội.

Chương VI KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng

1. Cờ thi đua của Hội xét tặng hàng năm cho các đơn vị có thành tích xuất sắc toàn diện.
2. Bằng khen Hội tặng cho các đơn vị và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm và những đơn vị, cá nhân có thành tích đột xuất.
3. Những đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc liên tục nhiều năm thì được đề nghị Nhà nước khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng.
4. Kỷ niệm chương vì sự nghiệp đông y tặng thưởng cho cán bộ, hội viên đã có nhiều thành tích xuất sắc xây dựng Hội và xây dựng nền đông y Việt Nam, cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp đã có công lao đóng góp xây dựng Hội. Việc tặng thưởng Kỷ niệm chương theo qui chế thi đua khen thưởng đã được Ban Chấp hành Trung ương Hội ban hành và theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Kỷ luật

1. Những đơn vị, hội viên nào có hành động sai trái với Điều lệ Hội, vi phạm pháp luật, làm tổn hại đến thanh danh của Hội. Tùy theo mức độ nặng nhẹ mà bị khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Hội.
2. Nếu tổ chức hội hoạt động vi phạm chuyên môn, vi phạm pháp luật thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục và hình thức kỷ luật của Hội.

Chương VII HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 24. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Đông y Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này có 7 Chương, 25 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (nhiệm kỳ 2010-2015) của Hội Đông y Việt Nam thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2010 tại thành phố Hà Nội và chính thức có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Bản Điều lệ này thay thế Bản Điều lệ (sửa đổi) Hội Đông y Việt Nam đã được Đại hội lần thứ XI ngày 12 tháng 10 năm 2005 thông qua.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội Đông y Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Hội Đông y Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện bản Điều lệ này. 1/1/2011